

**CẤU TRÚC ĐỀ THI CHỌN HSG THÀNH PHỐ  
BẢNG A VÀ CHỌN ĐỘI TUYỂN DỰ THI HSG QUỐC GIA  
PHẦN THI THỰC HÀNH  
NĂM HỌC 2023 - 2024  
MÔN: VẬT LÝ**

*(Kèm theo Quyết định số..... của sở GDĐT Hải Phòng)*

**I. Quy định chung**

1. Thời gian thi: 90 phút.
2. Thang điểm: 2,0 điểm.
3. Nội dung thực hành: không trùng lặp với các đề thi của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng đã công bố trong 3 năm gần đây.
4. Phạm vi kiến thức: chương trình môn Vật lý lớp 10, 11, 12 THPT theo chương trình giáo dục phổ thông 2006, chương trình giáo dục phổ thông 2018 và chương trình chuyên hiện hành tính đến trước thời điểm thi 01 tuần.

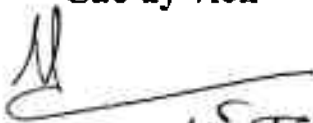
**II. Cấu trúc đề thi**


Đơn vị kiến thức	Thứ tự	Nội dung	Điểm
Cơ học, Nhiệt học, Điện và từ, Quang học và các chuyên đề Vật lý 10 (thuộc chương trình GDPT 2018)	1	Cơ sở lý thuyết	0,5
	2	Các bước tiến hành thí nghiệm	0,25
	3	Lập các bảng số liệu	0,75
	4	Xử lý số liệu	0,5
	<b>Tổng điểm</b>		

**Thư ký**

  
Hoàng Long

**Các ủy viên**

  
Vũ Thế Tiến

  
Đỗ Thị Anh

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-SGDĐT ngày của Sở GDĐT)

### I. Quy định chung

1. Thời gian thi: 180 phút
2. Hình thức thi: Trắc nghiệm và tự luận
3. Định dạng: word

- Số câu/ Bài thi: 90 câu/ 20 bài

- Thang điểm: 20

- Nội dung câu hỏi và bài tập: Không trùng lặp với các đề thi của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng đã công bố trong 3 năm gần đây.

4. Giới hạn kiến thức: thuộc chương trình môn tiếng Hàn Quốc (Ngoại ngữ 1) theo chương trình giáo dục phổ thông hiện hành và kiến thức nâng cao của TOPIK 3, 4 theo chuẩn TOPIK (Bài thi đánh giá năng lực tiếng Hàn Quốc)

5. Xây dựng ma trận trước khi ra đề

### II. Cấu trúc đề thi

Phần	Bài	Nội dung	Số câu	Điểm	Tổng điểm
PHẦN I – NGHE HIỂU	Bài 1	Nghe và chọn bức tranh đúng	2 câu	0.5 điểm	4.0 điểm
	Bài 2	Nghe và chọn lời thoại tiếp theo	2 câu	0.5 điểm	
	Bài 3	Nghe và chọn đúng/sai	5 câu	1.0 điểm	
	Bài 4	Nghe và trả lời câu hỏi (hội thoại)	4 câu	1.0 điểm	
	Bài 5	Nghe và trả lời câu hỏi (tin tức, thông báo, thuyết giảng,...)	4 câu	1.0 điểm	
PHẦN II – KIẾN THỨC NGÔN NGỮ	Bài 6	Chọn phát âm đúng	3 câu	0.3 điểm	
	Bài 7	Chọn cách viết giãn cách đúng	2 câu	0.2 điểm	
	Bài 8	Chọn từ vựng thích hợp (ứng với A, B, C, D) để điền vào chỗ trống	14 câu	1.4 điểm	
	Bài 9	Chọn từ đồng nghĩa với từ gạch chân (ứng với A, B, C, D)	2 câu	0.2 điểm	

*Handwritten signatures and marks at the bottom right of the page.*

	<b>Bài 10</b>	Chọn từ trái nghĩa với từ gạch chân (ứng với A, B, C, D)	2 câu	0.2 điểm	<b>5.0 điểm</b>
	<b>Bài 11</b>	Chọn từ vựng thích hợp (ứng với A, B, C, D) để điền vào các chỗ trống	2 câu	0.2 điểm	
	<b>Bài 12</b>	Chọn ngữ pháp thích hợp (ứng với A, B, C, D) để điền vào chỗ trống	15 câu	1.5 điểm	
	<b>Bài 13</b>	Chọn nội dung phù hợp (ứng với A, B, C, D) thay thế phần gạch chân	5 câu	0.5 điểm	
	<b>Bài 14</b>	Chọn nội dung phù hợp (ứng với A, B, C, D) để điền vào chỗ trống (giải quyết tình huống)	3 câu	0.3 điểm	
	<b>Bài 15</b>	Chọn câu văn (ứng với A, B, C, D) có ý nghĩa tương đồng với câu văn được gạch chân	2 câu	0.2 điểm	
<b>PHẦN III</b> - ĐỌC HIỂU	<b>Bài 16</b>	Đọc và điền từ phù hợp vào chỗ trống (ứng với A, B, C, D) - 8 chỗ trống	8 câu	2.0 điểm	<b>6.0 điểm</b>
	<b>Bài 17</b>	Đọc và trả lời câu hỏi (trắc nghiệm + tự luận)	5 câu	2.0 điểm	
	<b>Bài 18</b>	Đọc và trả lời câu hỏi (trắc nghiệm + tự luận)	5 câu	2.0 điểm	
<b>PHẦN IV</b> - VIẾT	<b>Bài 19</b>	Đọc và điền nội dung phù hợp vào chỗ trống	4 câu/8 chỗ trống	2.0 điểm	<b>5.0 điểm</b>
	<b>Bài 20</b>	Viết luận theo chủ đề cho trước (500-600 chữ)	1 câu	3.0 điểm	

*Handwritten signature or mark*

1. Quy định chung

- Hình thức thi: Thí nghiệm thực hành
- Số bài và điểm phần thi thực hành: 01 bài/02 điểm.
- Thời gian thi: 90 phút không kể thời gian phát đề, kiểm tra và làm sạch thiết bị thí nghiệm.
- Nội dung thi: Xác định nồng độ acid hoặc base bằng phương pháp chuẩn độ.
- Thiết bị thí nghiệm: Bộ dụng cụ thí nghiệm phân tích thể tích dùng trong môn Hoá học 12.

2. Tiêu chí chấm bài thực hành

2.1. Kỹ năng thực hành (0,5 điểm)

TT	Đánh giá	Phần điểm bị trừ
1	Làm đổ dụng dịch mẫu, phải xin lại	0,2 điểm
2	Xin thêm các dụng dịch chuẩn	0,1 điểm
3	Làm vỡ các dụng cụ thí nghiệm	0,1 điểm
4	Không vệ sinh khu vực làm thực hành	0,1 điểm

2.2. Kết quả thí nghiệm (1,5 điểm)

Biểu thức tính nồng độ acid hoặc base: 0,3 điểm.

Kết quả sai số thực hành tối đa 10%:

Biểu thức tính sai số	Sai số	Điểm
$\text{Sai số} = \frac{ C_{HS} - C_{\text{chuẩn}} }{C_{\text{chuẩn}}} \cdot 100\% \leq 10\%$	0 - 5 %	1,2 điểm
	5 - 10%	0,6 điểm

-----HẾT-----

CẤU TRÚC ĐỀ THI THỰC HÀNH  
KÌ THI HSG BẢNG A VÀ CHỌN ĐỘI TUYỂN  
DỰ THI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA  
NĂM HỌC 2023 - 2024

Bài thi môn: SINH HỌC

Thời gian làm bài 90 phút

(Tổng số điểm: 2,0 điểm)

Chủ đề	Nội dung	Điểm
1. Sinh thái thích nghi - Sinh lí thực vật	- Thực hiện thí nghiệm: + Quan sát cơ quan sinh dưỡng, cơ quan sinh sản của thực vật. + Các quá trình sinh lí trong cơ thể thực vật.	1,0 điểm
	- Nhận biết cơ quan thực vật thông qua vi phẫu.	
	- Nhận biết môi trường sống của thực vật thông qua vi phẫu.	
	- Tìm hiểu các đặc điểm sinh lí của cơ thể thực vật.	
2. Hóa sinh tế bào	- Nhận biết hợp chất hữu cơ trong các mẫu khô.	1,0 điểm
	- Xác định đặc tính hóa sinh của các hợp chất.	
	- Quan sát các cấu trúc trong tế bào.	
	- Tìm hiểu các quá trình sinh hóa trong tế bào	

Hải Phòng, ngày 6 tháng 9 năm 2023

Người xây dựng

Nguyễn Thị Linh

Lương Thị Liên

Kim Thị Hương